

Bài 7: Nghèo Đến Mức Nào?

Thứ Hai: Tập Đọc



Một hôm, tại một gia đình giàu có, người cha quyết định đưa con trai mình tới một vài nơi ở ngoại thành, để xem mọi người nhất là nông dân có thể nghèo đến mức nào.

Họ đến vùng ngoại ô yên bình và trả một ít tiền để thuê nhà trọ của một người nông dân mà người cha cho rằng thuộc số những người nghèo nhất xã hội.





Khi trở về nhà, người cha hỏi:

- *Bây giờ con có thể hình dung ra rằng một con người có thể nghèo đến mức nào rồi chứ?*
- *Vâng ạ.*
- *Thế con học được gì từ chuyến đi?*
- *Có ạ! Con thấy rằng chúng ta có một con thú cưng, còn họ thì có nhiều chó, heo, gà thật vui vẻ. Chúng ta có một hồ bơi nhỏ xíu trong vườn, còn họ thì có cả dòng suối, sông thật lớn.*

Người con nói tiếp:

- *Chúng ta phải trả tiền để mua đèn trong nhà, còn họ có cả một bầu trời sao vào buổi tối. Chúng ta có một mảnh đất nhỏ để xây nhà mà sống, còn họ có những cánh đồng rộng mênh mông. Chúng ta phải mua rau và cây cảnh, còn họ tự trồng được. Chúng ta phải xây những bức tường bao quanh tài sản của chúng ta để bảo vệ chúng ta, còn họ có những người bạn bảo vệ nhau. Cảm ơn cha đã cho con thấy chúng ta nghèo đến mức nào!*



Chú Thích

Quyết định:	<i>decide</i>	Nông dân:	<i>farmers</i>
Ngoại ô:	<i>suburbs</i>	Yên bình:	<i>peaceful, secured</i>
Xã hội:	<i>society</i>	Hình dung:	<i>imagine</i>

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao người cha quyết định dẫn đưa con trai của mình ra ngoại ô?

2. Khi đến vùng ngoại ô, họ ở đâu?

3. Ở thành phố, cha con họ có một hồ bơi. Ở ngoại ô, những người nông dân có gì?

4. Ở thành phố, cha con họ có một mảnh đất để xây nhà. Ở ngoại ô, những người nông dân có gì?

5. Người con trai học được bài học gì?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn nghĩa thích hợp những từ sau.)

- _____ 1. ...người cha **quyết định** đưa con trai mình tới một vài nơi ở ngoại thành... Từ “**quyết định**” có nghĩa là:
- a. Không phải làm. b. Lưỡng lự, không biết phải làm gì. c. Xét đoán và có kết luận.
- _____ 2. Họ đến vùng ngoại ô **yên bình**... Từ “**yên bình**” có nghĩa là:
- a. Ổn định và an lành. b. Thiếu trật tự, rối loạn. c. Vất vả, vất vả.
- _____ 3. Bây giờ con có thể **hình dung** ra rằng một con người có thể nghèo đến mức nào rồi chứ? Từ “**hình dung**” có nghĩa là:
- a. Dùng trí óc để tưởng tượng. b. Nghe qua người khác. c. Thấy tận mắt.
- _____ 4. ...còn họ có những cánh đồng rộng **mênh mông**... Từ “**mênh mông**” có nghĩa là:
- a. Nhỏ hẹp. b. Rất rộng lớn. c. Vuông vắn.
- _____ 5. Chúng ta phải xây những bức tường bao quanh **tài sản** của chúng ta... Từ “**tài sản**” có nghĩa là:
- a. Cửa cái. b. Mảnh vườn. c. Ngôi nhà.
- _____ 6. Chúng ta phải xây những bức tường bao quanh tài sản của chúng ta để **bảo vệ** chúng ta... Từ “**bảo vệ**” có nghĩa là:
- a. Che đậy. b. Giữ cho được an toàn. c. Mạo hiểm, liều.

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)



*Ho den vung ngoai o yen binh
va tra mot it tien de thue nha
tro cua mot nguoi nong dan.*



*Bay gio con co the hinh dung
ra rang mot con nguoi co the
ngheo den muc nao roi chu?*



*Cam on cha da cho con thay
chung ta ngheo den muc nao!*

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)



Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)



Chúng ta có một mảnh đất nhỏ để xây nhà mà sống, còn họ có những căn đồng rộng mênh mông. (3 lỗi)

Chúng ta phải mua rau và cây cảnh, còn họ tự chông được. (3 lỗi)



Thứ Năm: Văn Phạm – Câu Kép

(Giúp các em nối những câu đơn sau thành một câu kép.)

1. Bé Thiên bị ngã. Chị Hiền chạy tới đỡ bé dậy.

2. Em muốn mua một chiếc áo khoác. Em để dành tiền giúp người nghèo.

3. Tí xả rác trong lớp. Cô giáo bắt Tí ở lại để thu dọn phòng học.

4. Tú xin mẹ tiền để mua kẹo. Mẹ không cho.

5. Danh mua một chiếc thuyền đồ chơi. Danh thả thuyền trong vũng nước.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Làm ơn:	<i>please</i>	Đổi:	<i>change</i>
Còn lại:	<i>the rest</i>	Tiền lẻ:	<i>small change</i>
Xài:	<i>spend</i>	Tiện:	<i>convenient</i>

Hoàng có tờ 20 đô và muốn đổi ra tiền lẻ để có thể tiện dùng nên hỏi nhờ một nhân viên bán hàng...

Hoàng: Anh làm ơn đổi tờ 20 đô này cho em được không?

Would you please change this 20-dollar bill for me?

NBH*: Em muốn đổi ra như thế nào? Hai tờ mười đô, bốn tờ năm đô hay mười tờ một đô và hai tờ năm đô?

How would you like your change? Two 10-dollar bills, four 5-dollar bills, or ten ones plus two fives?

Hoàng: Em muốn đổi hai tờ năm đô, còn lại là tờ một đô.

I'd like two 5-dollar bills and the rest in singles.

NBH: Em làm gì mà cần nhiều tiền lẻ thế?

Why do you need that much small change?

Hoàng: Dạ, em cần nhiều tiền lẻ để xài cho tiện. Cảm ơn anh nhiều.

I need a lot of small change to spend conveniently. Thank you very much.



***NBH: Người Bán Hàng**

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Vending machines:	<i>máy bán hàng</i>	Accept:	<i>nhận</i>
Coins:	<i>tiền cắc</i>	Dollar bills:	<i>tiền giấy</i>
Cashier:	<i>người tính tiền</i>	Broke:	<i>bị hư</i>

The vending machines only accept coins and dollar bills.

Go and ask the cashier to exchange it for you.

The vending machine broke again. It took my dollar bill.

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ **Ngày** _____

